

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

(Ca)
An toàn

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

(Ca)
An toàn

2023

DT thuần

938

tỷ VNĐ

YoY
▼ 131
▼ 12.2%

2023

LN sau
thuế

115

tỷ VNĐ

YoY
▲ 70.8
▲ 161%

2023

ROE

14.3%

+/- YoY
▲ 8.9%

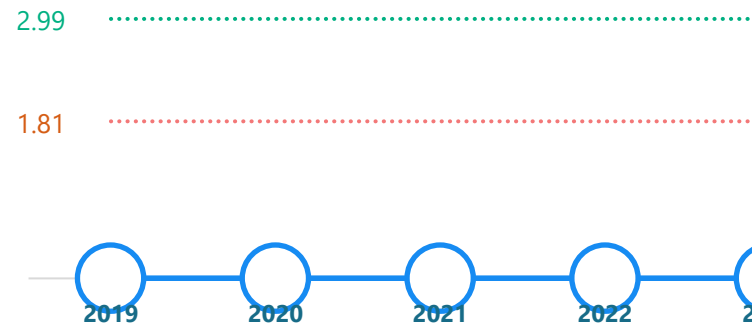
2023

ROA

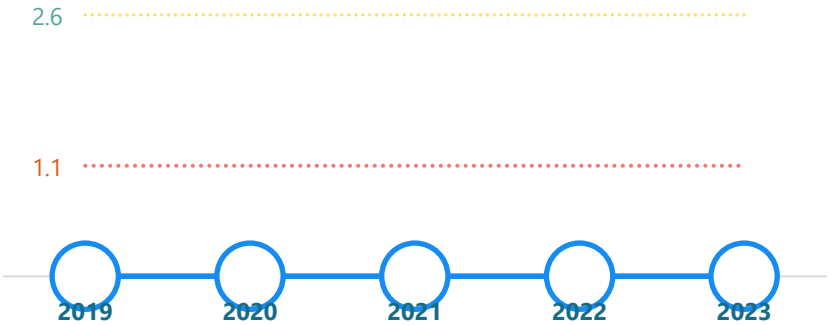
9.8%

+/- YoY
▲ 5.7%

Z - Score



Z'' - Score



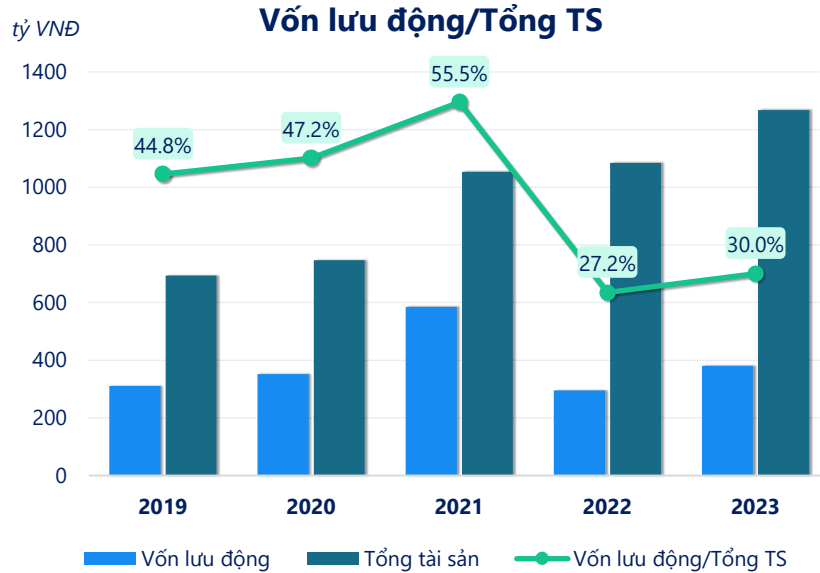
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **QNC** năm **2023** đạt **1.32**, **cao hơn** so với năm 2022 (1.06). **Z-Score < 1.81**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **QNC** năm **2023** đạt **0.52**, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất cao, điều này cho thấy tình hình tài chính bất ổn rủi ro cao về thanh toán nợ.

Kết quả kinh doanh **QNC** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **1,421** tỷ đồng **giảm 4.69%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 12.4%** chỉ còn **78.50** tỷ đồng.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **12.5%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

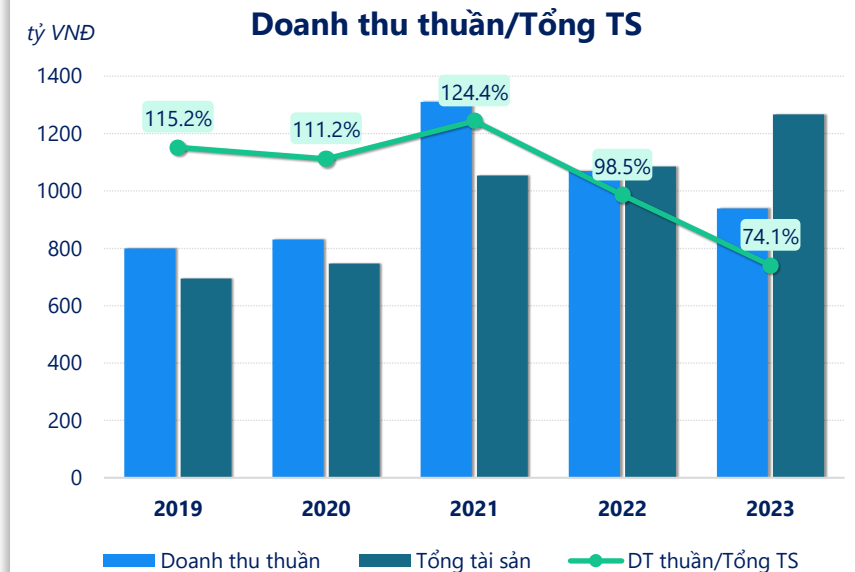
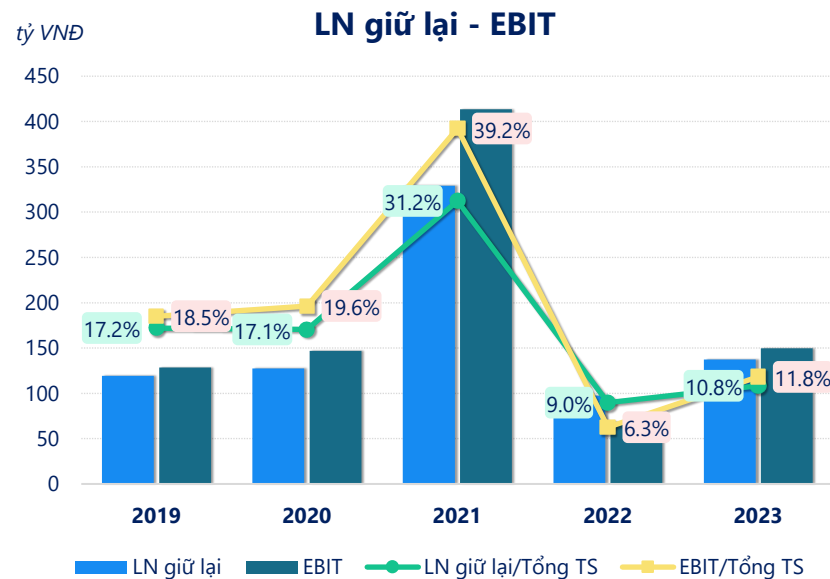
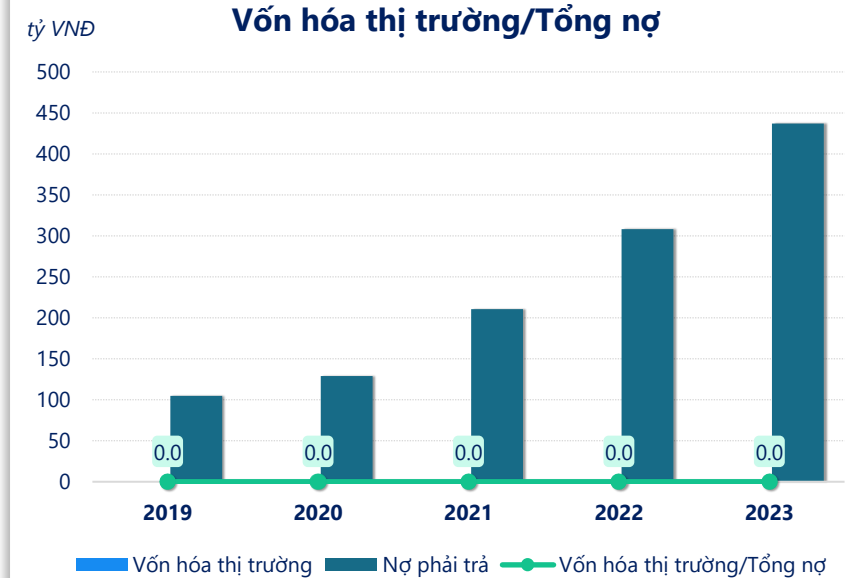
CTCP Cảng Quy Nhơn (HSX: QNP)



Mặc dù vẫn gặp tình trạng thiếu thanh khoản khi **vốn lưu động < 0**, nhưng đã tăng so với năm trước. Cho thấy công ty đang cải thiện tình hình tài chính sau giai đoạn khó khăn. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Mặc dù **tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ** bằng **0.48 < 1**, cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa giá trị thị trường và nợ. Nhưng sự tăng lên của tỷ lệ này so với năm trước có thể phản ánh sự cải thiện trong triển vọng kinh doanh của công ty.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,265	1,085	16.6%
Tài sản ngắn hạn	604	603	0.0%
Tiền và tương đương tiền	238	79.9	197%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	139	308	-55.0%
Phải thu ngắn hạn	163	169	-3.7%
Hàng tồn kho	21.0	24.6	-14.4%
Tài sản ngắn hạn khác	43.7	22.0	99.0%
Tài sản dài hạn	662	482	37.4%
Phải thu dài hạn	7.35	7.35	0.0%
Tài sản cố định	533	187	185%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	79.9	251	-68.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.3	28.7	-1.3%
Tài sản dài hạn khác	13.1	7.68	70.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	438	308	42.2%
Nợ ngắn hạn	223	308	-27.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	150	197	-23.8%
Nợ dài hạn	215	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	215	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	827	777	6.5%
Vốn chủ sở hữu	827	777	6.5%
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	800	831	1,311	1,069	938
Giá vốn hàng bán	610	627	822	892	725
Lợi nhuận gộp	189	203	489	177	214
Doanh thu HĐTC	12.1	19.1	18.3	27.3	27.8
Chi phí TC	0.31	0.23	0.79	0.84	5.49
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	5.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0.36	3.58
Chi phí bán hàng	13.1	9.05	10.8	11.5	15.7
Chi phí QLDN	59.1	68.6	75.1	126	80.1
LN thuần từ HĐKD	129	144	420	66.6	144
Lợi nhuận khác	-0.49	2.22	-7.02	1.35	0.59
LN trước thuế	129	147	413	68.0	144
Lợi nhuận sau thuế	103	117	331	44.2	115
LNST của CĐ cty mẹ	103	117	331	44.2	115

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	32.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	167
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	79.9
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	158
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	-0.06
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	238